

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2020/HS-ST**

Ngày 06/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Phong**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nhâm Đức Hùng**

2/ Ông **Nguyễn Duy Khương**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Minh Vương** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 17/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2020, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê T G; sinh ngày 27/11/1998 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp TP, xã GT, huyện CT, tỉnh KG; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Thanh T, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1964; Tiền án, tiền sự: Không.

Tuy nhiên: Vào ngày 14/7/2015 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội “Cướp tài sản”, tại bản án hình sự số: 44/2016/HSST ngày 26/5/2016.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 21/01/2020, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh **Danh S**, sinh năm 1994 (có mặt).

Trú tại: Số 22, ấp PT, xã MT B, huyện CT, KG

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị **Thị S1**, sinh năm 1997 (có mặt).

Trú tại: ấp PT, xã MT B, huyện CT, KG

2/ Ông **Trần Quý N**, sinh năm 1964 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Số 380 NCT, P. RS, TP. RG, KG

Người làm chứng: Anh **Lê Thanh H**; sinh năm 2001 (vắng mặt)

Trú tại: ấp TP, xã GT, huyện CT, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ, ngày 19 tháng 4 năm 2019 Danh S đang ở nhà mình tại ấp PT, xã MT B, CT, KG. Lúc này, có Lê T G và Lê Thanh H (cháu của G) đến chơi. Tại đây, G hỏi mượn anh S xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, biển kiểm soát 68C1-312.04 (xe do vợ anh S là Thị S1 đứng tên chủ sở hữu) để cùng với H đi ra thành phố Rạch Giá, S đồng ý và kêu chị S1 đưa chìa khóa xe cho G. Sau đó, G điều khiển xe mô tô trên chở H ra thành phố Rạch Giá. Khi đến gần Ủy ban nhân dân xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, G dừng lại mở cốp xe ra thì phát hiện bên trong có 01 áo khoác nam, đồng hồ đeo tay, giấy đăng ký xe, giấy chứng minh nhân dân, thẻ ATM và một số giấy tờ khác để trong bóp da. Lúc này, G nảy sinh ý định đem xe mô tô trên đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài, đồng thời rủ H tham gia nhưng H không đồng ý. Sau đó, G điều khiển xe đến dịch vụ cầm đồ “H P” tại số 380 đường NCT, phường RS, TP. RG gặp ông Trần Quý N và nói dối đây là xe của chị bà con cho mượn để cầm cố và yêu cầu ông N cầm với số tiền 5.000.000 đồng. Ông N không biết được đây là xe của G mượn từ anh S để sử dụng nên nhận cầm cố. Số tiền cầm xe được, G sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Sau đó, G lấy 100.000 đồng là tiền cá nhân của mình cho H để H đón xe ôm đi về nhà, riêng G thì ở nhờ nhà trọ của người bạn tại thành phố Rạch Giá. Tối cùng ngày, S điện thoại cho G để đòi lại xe, G hẹn một lúc nữa sẽ trả rồi tắt máy điện thoại. Khoảng 02-03 ngày sau đó, G tiếp tục quay lại cửa hàng cầm đồ gặp ông N và Trần Kim H1 (con ông N) lấy thêm tiền 02 lần tổng cộng 4.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân (Bút lục số 86, 87). Do không có khả năng chuộc xe trả lại nên G nhờ một người bạn tên Loan (chưa xác định được họ tên, lai lịch) đem giấy cầm cố xe, bóp da cùng một số giấy tờ khác trả lại cho anh S, còn G thì trốn

tránh và không trở về địa phương. Khoảng tháng 5/2019 G đến cảng cá Tắc Cậu đi ghe biển. Ngày 22/7/2019, Lê T G bị Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Châu Thành khởi tố, ra lệnh bắt tạm giam để điều tra.

Đến tháng 01 năm 2020, Lê T G sau thời gian đi biển vào đất liền nhưng không trở về địa phương mà tiếp tục sống nhờ nhà bạn bè và đến ngày 21/01/2020 thì bị bắt theo quyết định truy nã. Tại Cơ quan điều tra G đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 22/KL-HĐTĐGTS, ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang kết luận: “Xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại WAVE RSX, có giá trị tại thời điểm yêu cầu định giá là 16.447.700 đồng.

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, bị cáo Lê T G có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tích cực tác động gia đình khắc phục H quả thay cho bị cáo.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, số máy JA32E1203941, số khung 3205EY095891, màu sơn đỏ-đen, biển kiểm soát 68C1-312.04.

- 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 016030 do Công an huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 20/10/2016 cho Thị S1 (đăng ký xe biển số 68C1-312.04)

- 01 Giấy chứng minh nhân dân số 371829048 do Công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19/3/2014 cho Thị S1.

- 01 biên nhận cầm đồ số: 320, ngày 19/4/2019 của dịch vụ cầm đồ “H P”.

Xử lý vật chứng: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, số máy JA32E1203941, số khung 3205EY095891, màu sơn đỏ-đen, biển kiểm soát 68C1-312.04; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 016030 do Công an huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 20/10/2016 cho Thị S1 (đăng ký xe biển số 68C1-312.04) và 01 Giấy chứng minh nhân dân số 371829048 do Công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19/3/2014 cho Thị S1. Tất cả đã được trao trả cho bị hại là anh Danh S, hiện anh S không yêu cầu thêm.

- 01 biên nhận cầm đồ số: 320, ngày 19/4/2019 của dịch vụ cầm đồ “H P” đã được đưa vào hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Trần Quý N yêu cầu Lê T G trả lại số tiền 9.000.000 đồng, ngày 16/9/2019 mẹ của G là bà Nguyễn Thị Sáu đã thay G trả số tiền trên, ông N đã nhận đủ tiền và không yêu cầu G trả thêm số tiền lãi đã yêu cầu trước đó. Bà Nguyễn T S cũng không yêu cầu G hoàn trả lại số tiền trên.

Đối với Lê Thanh H không tham gia thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản cùng với Lê T G. Đồng thời, số tiền 100.000 đồng của mà G cho H để đi xe ôm về nhà là tiền cá nhân của G. Do đó, không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lê Thanh H.

Đối với Trần Quý N là chủ dịch vụ cầm đồ H P có hành vi cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã chuyển hồ sơ về địa phương để xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

Tại bản cáo trạng số: 22/CT-VKS-CT ngày 24/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Lê T G về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê T G phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Lê T G** từ 09 đến 12 tháng tù.

Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Bị cáo được nói lời nói sau cùng, bị cáo xin lỗi người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Vào khoảng 16 giờ, ngày 19/4/2019 Lê T G cùng Lê Thanh H đi đến nhà anh Danh S trú tại ấp PT, xã MT B, huyện CT, tỉnh KG chơi. Tại đây, G hỏi mượn anh S chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX mang biển số kiểm soát 68C1-312.04 để đi công việc một chút sẽ đem xe về trả thì anh S đồng ý. Sau đó, G điều khiển xe chở H đi ra thành phố Rạch Giá nhưng trên đường đi do phát hiện trong cốp xe có sẵn giấy tờ xe nên G nảy sinh ý định chiếm đoạt bằng cách đem chiếc xe trên lại tiệm cầm đồ “H P” tại phường RS, thành phố RG cầm được 9.000.000 đồng, G lấy số tiền trên trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Theo kết quả định giá thì chiếc xe mà G chiếm đoạt của anh S có giá trị là 16.447.700 đồng. Đối chiếu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự thì “Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;”. Như vậy, hành vi lợi dụng lòng tin của anh S giao xe cho bị cáo mượn đi công chuyện để rồi có được xe bị cáo lại nảy sinh ý định chiếm đoạt đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” như đã viện dẫn ở trên.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của người bị hại được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo nhận thức được lợi dụng lòng tin để chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi trái pháp luật. Mặc dù nhận thức được hậu quả gây ra sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự thế nhưng trong quá trình được anh S tin tưởng giao xe cho bị cáo mượn đi công việc để rồi khi nhận được xe và nhìn thấy trong cốp xe có sẵn giấy tờ xe bị cáo lại nảy sinh ý định chiếm đoạt bằng cách đem xe đi cầm để lấy tiền trả nợ và tiêu xài. Hành vi phạm tội của bị cáo ít nhiều gì cũng đã gây ảnh hưởng đến đời sống vật chất của người bị hại, gây mất lòng tin cho nhân dân, làm mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. HĐXX nghị án thảo luận cần có mức án tương xứng và cần tách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời cũng nhằm phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng được quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, qua hồ sơ thể hiện thì vào năm 2015 bị cáo bị Tòa án huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” tuy đã được xóa án tích nhưng qua đây cần xem xét về nhân thân bị cáo khi lượng hình, đồng thời cho thấy sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương gây khó khăn cho việc điều tra nên cần xem xét khi lượng hình đối với bị cáo mới là phù hợp.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã tích cực động viên gia đình khắc phục hậu quả cho người bị hại cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

6.1 Do chiếc xe bị chiếm đoạt người bị hại anh Danh S đã được nhận lại nên tại phiên tòa anh S không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

6.2 Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quý N đã nhận đủ số tiền 9.000.000 đồng mà ông đã bỏ ra cầm xe từ bị cáo nên ông không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm nên HĐXX khoogn xem xét.

[7] Về án phí: Xử buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê T G phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Lê T G 09** (chín) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 21/01/2020.

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử buộc bị cáo Lê T G phải nộp 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo, bị hại và NLQ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Nguyễn Thanh Phong